

Số: 2091/2024/QĐST-HNGĐ

Thành phố Thủ Đức, ngày 28 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 397, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84,
Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 2904/2024/TLST-HNGĐ ngày 15/5/2024 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông **Nguyễn Thanh C**, sinh năm 1992. CCCD số: 079092021508.

Địa chỉ: 1 đường H, Khu phố C, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà **Huỳnh Thị Bích N**, sinh năm 1999. CCCD số: 086199008562.

Địa chỉ: 6 đường L, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải đoàn tụ không thành ngày 20 tháng 5 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông **Nguyễn Thanh C** và bà **Huỳnh Thị Bích N**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông **Nguyễn Thanh C** và bà **Huỳnh Thị Bích N** thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân giữa ông **Nguyễn Thanh C** và bà **Huỳnh Thị Bích N** (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 108 đăng ký ngày 30/10/2020 tại Ủy ban nhân dân phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh) chấm dứt kể từ ngày ban hành quyết định này.

2.2. Về con chung: Ông **C** và bà **N** có 01 người con chung tên **Nguyễn Ngọc Diễm M**, sinh ngày 31/08/2021. Giao hai con chung nêu trên cho ông **Nguyễn Thanh C** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ này, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về cấp dưỡng: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

2.4. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về nợ chung: Hai bên khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Lệ phí dân sự sơ thẩm: Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, ông **C** và bà **N** phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ

phí dân sự sơ thẩm mà ông **C** và bà **N** đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0026866 ngày 14/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông **C** và bà **N** đã nộp đủ lệ phí.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP.Thủ Đức;
- UBND phường Linh Trung, TP.Thủ Đức;
- Những người yêu cầu;
- Lưu: VP, Hồ sơ việc dân sự (Đ-Hà), 15.

THẨM PHÁN

Danh Đồi